

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Trường

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 709/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐ-ST ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1985.

Nơi thường trú: 86C4 đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 160/1/2 đường X, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đào Anh T, sinh năm 1979.

Nơi thường trú: 86C4 đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 2 B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2024 và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Đào Anh T sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu vào ngày 16 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm với ông T nhưng không thành. Bà và ông T đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đào Anh T.

Về con chung: Không.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Đào Anh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án làm việc nhưng ông T không đến làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư kí, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà H và ông T không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, bà H không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn giữa bà H và ông T không thể hàn gắn. Ông T không đến làm việc, hòa giải theo triệu tập của Tòa, không tham gia các phiên tòa, không thể hiện mong muốn, thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm với bà H. Xét mâu thuẫn của bà H và ông T là có thật, cuộc sống hôn nhân của bà H, ông T không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà H không còn tình cảm với ông T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H; Về con chung: Không; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không đề xuất xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Trần Thị H có đơn khởi kiện về “Ly hôn” với ông Đào Anh T, có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Xét bà Trần Thị H và ông Đào Anh T chung sống và đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố V vào ngày 16 tháng 12 năm 2016. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp.

Trong thời gian bà H và ông T sống với nhau, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng bà H thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, từ đó cho thấy ông T không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thể hiện thiện chí, nguyện vọng muốn hòa giải, đoàn tụ của ông T. Ngoài ra, ông T không tranh thủ sự tác động, động viên, hòa giải của Pháp luật để hàn gắn hôn nhân giữa ông và bà H.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”.

Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh hôn nhân của bà H, ông T không thỏa mãn được mục đích, ý nghĩa cốt yếu để duy trì đời sống hôn nhân. Nay bà H cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với ông T. Xét mâu thuẫn của bà H, ông T là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, khả năng đoàn tụ rất khó khăn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Đào Anh T ly hôn.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004694 ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Như vậy, bà H đã thi hành xong án phí.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Vũng Tàu;
- UBND phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huê

